

Nhận Định

Viễn tượng bang giao giữa Hoa Kỳ và Việt Nam: Một số khía cạnh nhìn từ Hoa Thịnh Đốn



Vấn đề liên lạc thương mại và ngoại giao giữa Hoa Kỳ và Vietnam trở nên sôi nổi hơn trong vòng hai năm qua vì hai lý do thúc đẩy chính: 1) áp lực của dân Mỹ đòi hỏi chánh phủ Mỹ phải tích cực hơn để giải

tỏa vấn đề Cam Bốt vì những lý do nhân đạo và lương tâm; 2) vận động của giới thương mại Hoa Kỳ đòi hỏi chánh phủ Hoa Kỳ phải bãi bỏ cấm vận để họ khỏi bị thiệt thòi, khi phải đứng bên lề nhìn thị

trường Việt Nam rơi vào tay các cường quốc kinh tế Á-Âu.

Cũng như các vấn đề ngoại giao khác, vấn đề Việt Nam đang được bàn cãi, tranh chấp, dẫn co bởi nhiều nhóm khác nhau, ở trong và ngoài chính phủ, tùy vị trí mà áp lực và thúc đẩy. Nhưng tựu trung lại các ảnh hưởng này đại khái có thể phân làm hai nhóm: nhóm thứ nhất có cái nhìn nặng về mặt chính trị thế giới và chiến lược; nhóm thứ hai do quyền lợi riêng tư cá nhân hoặc đoàn thể, và ảnh hưởng bởi những nhu cầu chính trị trong nước.

Đối với các chiến lược gia Hoa Kỳ thì Việt Nam từ nhiều năm qua không còn là một mối quan tâm như trong những thập niên 60 hoặc 70. Tình trạng chung của vùng Đông Nam Á và Đông Dương tuy chưa được như ý muốn nhưng cũng chẳng đến nỗi không chấp nhận được. Ngay cả chuyện khủng hoảng ở Cam Bốt thật ra cũng không là một mối quan tâm đặc biệt cho Hoa Kỳ vì quan tâm chiến lược chính của Hoa Kỳ là sự ổn định chính trị (political stability) của các nước đồng minh ở vùng Đông Á để được phát triển, phú cường trên căn bản kinh tế tư bản; mà về phương diện này thì Hoa Kỳ đã thành công hơn cả mức họ dự đoán từ cả hai mươi năm trước. Hầu hết các nước trong vùng Đông Nam Á trong nhiều năm qua có mức gia tăng sản xuất cao nhất thế giới, kể cả Thái Lan là nước nằm ngay cạnh Cam Bốt bao nhiêu năm bị Việt Nam đe dọa.

Để đối phó với hiểm họa chung là cộng sản Việt Nam

trong những năm sau 1975 (đặc biệt sau 1979 khi Việt Nam xưa quân qua chiếm đóng Cam Bốt, và sự gia tăng các người tị nạn bằng đường biển) các nước láng giềng của Việt Nam ở Đông Nam Á đã đoàn kết chặt chẽ hơn và tạo nên một hậu thuẫn chính trị đáng kể. Và cũng nhờ hậu thuẫn chính trị đó mà các quốc gia này đạt được mức độ phát triển kinh tế như ngày hôm nay. Cũng vì vậy, và oái ăm thay cho cộng sản Vietnam, trên phương diện chiến lược, Việt Nam nói riêng đã trở thành vô thưởng vô phạt trên bàn cờ chiến lược quốc tế, ở một thế mà Hoa Kỳ nhận thấy không cần phải bỏ nhiều tài nguyên và nhân lực để giải quyết. Tuy nhiên trên phương diện ảnh hưởng chiến lược chung thì Hoa Kỳ khi nói đến vấn đề Việt Nam là phải để ý đến quyền lợi của Trung Cộng (ngoài ASEAN ra) mà Hoa Kỳ phải cân nhắc.

Trung Cộng có một vị thế chiến lược rất đặc biệt không những chỉ ở vùng Đông Nam Á mà còn có ảnh hưởng rộng đến cả những điều kiện chính trị và chiến lược hoàn cầu đối với Hoa Kỳ. Nếu sự ổn định chính trị và phát triển kinh tế của vùng Đông Nam Á là mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ thì Trung Cộng nắm một phần chủ chốt trong việc thực hiện mục tiêu này - không những vì tầm vóc kinh tế chính trị to lớn của Trung Cộng mà cũng vì Trung Cộng có đủ tài nguyên và cơ sở để lũng đoạn chính trị nội bộ của các nước trong vùng đó, cũng như qua sự liên tục tiếp tế cho nhóm

Khmer đỏ. Hơn nữa ai cũng còn ngán cái bàn tay lông lá của Trung Cộng qua những nhóm Hoa Kiều thân thiện với chính phủ Bắc Kinh nằm vùng ở các nước Đông Nam Á. Nam Dương làm sao quên được năm 1965 khi suýt bị đảng cộng sản của họ (do Trung Cộng giật dây) nắm chính quyền. Cũng vì mối lo sợ ảnh hưởng của Trung Cộng này mà Nam Dương phải luôn luôn sẵn đón giữ liên lạc với Vietnam để kèm Trung Cộng và cũng để giúp giải tỏa sự xung đột ở Cam Bốt hầu giảm thiểu ảnh hưởng chính trị của Trung Cộng trong vùng. (Nam Dương là đồng chủ tịch với Pháp trong nhóm vận động đem lại hòa bình cho Cam Bốt).

Thái Lan cũng vậy. Họ bị áp lực của Thái cộng do Trung cộng che chở đến đầu thập niên 80 thì Trung Cộng mới cắt đứt viện trợ cho Thái cộng vì Trung Cộng có nhu cầu phải thân thiện với chính phủ Thái Lan để nhờ chính phủ và quân đội Thái Lan dung túng với nhóm Khmer Đỏ và cho mượn đường tiếp tế vũ khí chống Việt Nam. Thái Lan dựa theo chiều hướng này đã phát động một chiến dịch chiêu hồi rất hữu hiệu, và kết quả là lực lượng của Thái cộng không còn đáng kể nữa. Tuy vậy Thái Lan cũng như các nước láng giềng khác thừa hiểu chính sách của Trung Cộng luôn luôn duy trì các khả năng lũng đoạn để nếu cần trao đổi quyền lợi chính trị (politics of negative incentives).

Trong nội bộ chính phủ Hoa Kỳ, Hội Đồng An Ninh Quốc Gia (National Security Coun-

cil/NSC) ở tòa Bạch Ốc có lẽ là cơ quan có tiếng nói mạnh nhất theo đường lối đặt quyền lợi chiến lược trên hết. Trong việc hoạch định chánh sách, ông Karl Jackson là người đã ở lâu nhất trong cơ quan này, có trách nhiệm và ảnh hưởng lớn về chánh sách đối ngoại với Việt Nam. Ông Jackson trước kia là giáo sư chánh trị học ở đại học Berkeley trước khi qua Hoa Thịnh Đốn làm phụ tá thứ trưởng Quốc Phòng về Á Châu sự vụ. Lúc còn ở Berkeley trong những năm cuối thập niên 70, ông Jackson là người đã theo dõi và đúc kết các vi phạm nhân quyền của chính quyền cộng sản Hà Nội. Sau này khi đổi qua NSC giữ chức vụ trưởng văn phòng Á Châu ở NSC thì ông là người đã thừa hiểu thực tế cộng sản Việt Nam nên ông chủ trương một chính sách cứng rắn, không nhượng bộ với Hanoi. Có thể nói ông này là một thành phần nghiêng về phía bảo thủ (conservative), gần gũi với nhóm bảo thủ bên phía lập pháp mà lâu nay vẫn chống chuyện sẵn đón cộng sản và theo đuổi những viễn tượng hão huyền. Ông Jackson hiện nay là Cố Vấn An Ninh Quốc Gia cho phó tổng thống Dan Quayle, nhưng ông vẫn còn duy trì thế đứng của ông trong vấn đề Việt Nam vì kinh nghiệm của ông và sự hỗ trợ của phe bảo thủ cũng như của cấp lãnh đạo ở tòa Bạch Ốc và Hội đồng an ninh quốc gia như là tướng Brent Scowcroft, Cố Vấn An Ninh Quốc Gia cho Tổng thống Bush. Ông Scowcroft đã giữ chức vụ này dưới thời Tổng thống Ford

trong thời gian cuối cùng của cuộc chiến Việt Nam. Ông này quá quen thuộc với những thủ đoạn lật lọng của Hà Nội nên cũng chủ trương là đối với cộng sản cứ “tiền trao cháo múc”, quan niệm rằng Hoa Kỳ trên mặt chính trị và chiến lược không cần tha thiết với Việt Nam thì không chuyện gì phải đáp ứng trước. Các ông ở Hội Đồng An Ninh Quốc Gia/NSC (như Jackson, Scowcroft, Richard Childress, và sau này người thay thế ông Childress trong trách nhiệm về vùng Đông Nam Á là ông Peter Watson) càng trở nên cứng rắn hơn trong việc liên lạc với Hà Nội trong vòng mười năm qua, khi họ thấy Hà Nội không có thiện chí giải quyết các vấn đề liên quan đến nhân đạo, nhân quyền, và nhất là vấn đề những người Mỹ mất tích (POW/MIA) chưa giải quyết được.

Về phía bộ ngoại giao Hoa Kỳ thì người chủ chốt về Việt Nam là ông thứ trưởng Richard Solomon. Ông này tuy tương đối ít có kinh nghiệm trực tiếp về Việt Nam nhưng rất rành rẽ những vấn đề có tầm vóc chiến lược thế giới. Ông ta là một chuyên viên về lịch sử chính trị của Trung Hoa, tác giả của một cuốn sách nghiên cứu rất công phu là cuốn “Văn Hóa Chính Trị Trung Hoa và Chính Sách Ngoại Giao của Mao Trạch Đông” (China's Political Culture and Mao's Foreign Policy). Ông Solomon là một cựu giáo sư chính trị học ở đại học Michigan, và nguyên giám đốc ban nghiên cứu ở Rand Corporation trước khi nhậm chức

thứ trưởng ngoại giao. Ông này rất thông hiểu tầm quan trọng của Trung Cộng trong sách lược chính trị của Mỹ và từ khi nhậm chức vẫn duy trì chánh sách lâu nay là để các nước đồng minh trong vùng (ASEAN) đi trước, Hoa Kỳ theo sau. Trên thực tế như vậy có nghĩa là Hoa Kỳ không muốn đơn độc sa lầy vào nơi mà quyền lợi họ không có nhiều, và cũng muốn cho hiểu rằng Hoa Kỳ thông cảm vị thế ảnh hưởng và quyền lợi tương quan của Trung Cộng trong vùng Đông Nam Á. Nên để ý rằng ông Solomon đã tể nhị đới đến sau khi qua Bắc Kinh hội ý với giới lãnh đạo Trung Cộng rồi mới chính thức công bố lịch trình tiến tới bang giao với Việt Nam (“road map”) trên đường về nước.

Tình trạng bang giao giữa Hoa Kỳ và Trung Cộng hiện nay đòi hỏi Hoa Kỳ phải dè dặt lưu ý đến những vấn đề thuộc phạm vi ảnh hưởng của Trung Cộng, đặc biệt là trong lúc này Hoa Kỳ đang phát họa một trật tự mới cho thế giới (“new world order”) trong đó Hoa Kỳ cần có sự hợp tác chặt chẽ của Trung Cộng cũng như của các cường quốc khác trong việc quản trị sự cân bằng ảnh hưởng trên thế giới, và trong việc giải quyết các xáo trộn chính trị và quân sự trong tương lai. Vụ Iraq là một thí dụ cụ thể mà Hoa Kỳ đã rất cần sự hợp tác của Trung Cộng (là một trong năm đoàn viên chính thức) trong Hội Đồng An Ninh Liên Hiệp Quốc — mặc dù chỉ dưới một hình thức rất giới hạn là “không chống”.

Thật ra, việc Trung Cộng có ảnh hưởng mạnh với Hoa Kỳ trong vấn đề Việt Nam không hoàn toàn có nghĩa mỗi giao dịch phải ở trong một chiều hướng nhất định là “nếu có người được là phải có người thua” (zero-sum game) như trong một canh bài bạc thông thường. Vấn đề là Hoa Kỳ muốn tìm kiếm một con đường không những ít tổn kém, có lợi cho Hoa Kỳ trong việc liên hệ với Việt Nam mà cũng có thể chấp nhận được cho Trung Cộng, có nghĩa là Hoa Kỳ sẽ không qua mặt Trung Cộng trước khi Bắc Kinh và Hà Nội đi đến một liên hệ mà Bắc Kinh thỏa mãn.

Trên mặt bang giao giữa Hoa Kỳ và Vietnam, chính phủ Hoa Kỳ đang theo một câu châm ngôn thông thường của Mỹ là “If it ain't broke, don't fix it.” (Nếu không hư thì đừng sửa). Hà Nội bây giờ ở trong thế phải quy lụy thì tội gì phải hấp tấp. Cứ đợi “bất chiến tự nhiên thành”. Nhiều nhân vật cao cấp trong chính quyền Hoa Kỳ bây giờ đã trải qua thời chiến tranh Việt Nam và nhiều người có cả kinh nghiệm điều đình trực tiếp với Cộng sản Việt Nam.

Còn trong vấn đề Cam Bốt, nơi mà người Mỹ có một mặc cảm tội lỗi trong lương tâm qua sự dính líu của họ ở Cam Bốt mà hậu quả đã dẫn đến những thảm cảnh lịch sử cho dân tộc này trong hai chục năm qua, thì Hoa Kỳ muốn bắt chẹt Việt Nam để lo vụ Cam Bốt cho xong vì mặc dù họ hiểu rằng sự hợp tác của Việt Nam nếu không là “điều kiện đủ” thì cũng là “điều kiện

cần" trong sự giải quyết vấn đề này. Nhờ vậy tình hình Cam Bốt đã tiến triển từ một chỗ cực kỳ nan giải trong sáu tháng trước đây đến một tình trạng sáng sủa ngày hôm nay mà không cần Hoa Kỳ phải nhượng bộ gì nhiều cho Hanoi. Cả bốn phe Khmer giao chiến sau nhiều lần họp đã giải tỏa những điểm bất đồng và vào ngày 23 tháng mười, 1991, đã chính thức ký kết hiệp định ngưng bắn và bầu cử tự do.

Chính sách của chính phủ đối với Vietnam cũng đã được sự hỗ trợ của một nhóm rất quan trọng là nhóm "Gia đình của những người mất tích ở Việt Nam". Đại diện của nhóm này là bà Ann Griffiths là người đã tích cực hăng say hoạt động trong hơn mười năm qua. Bà ta đã tham dự hầu hết các cuộc họp mặt cao cấp giữa viên chức Hoa Kỳ và Việt Nam sau khi Tổng thống Reagan nhậm chức năm 1981 đã hứa đưa vấn đề người mất tích lên hàng đầu trong tất cả các cuộc thảo luận với Hà Nội. Bà Griffiths đã rất chán nản về sự giao dịch với Hà Nội và việc thiếu kết quả cụ thể trong nhiều năm cố gắng. Bà ta cũng như những nhà cầm quyền ở Hoa Thịnh Đốn tin rằng nếu Hanoi thực tình muốn giải quyết thì đã giải quyết lâu rồi. Vấn đề là sự thiếu thiện chí của Hà Nội. Vì vậy cho nên nhóm này và bà Griffiths đã không muốn vấn đề bang giao với Việt Nam đi quá mau sợ rằng Hoa Kỳ sẽ mất cái thế (leverage) để áp lực với Hanoi trong việc giải quyết dứt khoát vấn đề những người Mỹ mất tích.

Nhóm thứ nhì ngoài vòng hành pháp có ảnh hưởng mạnh trên chính sách đối ngoại là nhóm vận động cho độc lập và hòa bình ở Cam Bốt. Ông dân biểu Steve Solarz (Dân Chủ - Brooklyn, Mỹ) là người quan trọng trong phong trào này. Ông Solarz rất có thiện cảm với dân Cam Bốt. Là một người gốc Do Thái, ông thông cảm cho vận mệnh của dân Cam Bốt như dân Do Thái hồi xưa. Ông ta thường so sánh những chuyện thảm sát ở Cam Bốt (killing fields) với chuyện holocaust của người Do Thái. Ông là một người dân biểu có uy tín nhất với giới hành pháp và các bằng hữu ở Quốc Hội trong vấn đề ngoại giao (thường được ví như là một ngoại trưởng thứ hai của Mỹ và có triển vọng trở thành ngoại trưởng nếu phe Dân Chủ nắm tòa bạch ốc). Ông là chủ tịch ủy ban Á Châu sự vụ ở Hạ Viện và ông thường cho thấy lập trường rõ ràng trong những buổi điều trần trước ủy ban của ông, như buổi điều trần đầu tháng bảy vừa qua, ông bắt buộc phải có sự hợp tác của Hanoi trong vấn đề Cam Bốt, đặt nặng về kết quả chứ không nghe lời hứa nữa, cũng như không muốn có một chính sách nhân nhượng gì với Hà Nội trước khi những mục đích chính của Hoa Kỳ được thành đạt trong đó có vấn đề Cam Bốt.

Chiều hướng rõ ràng và cứng rắn này cũng đã được sự ủng hộ tích cực của các vị dân cử ở phe cộng hòa bảo thủ, thí dụ như thượng nghị sĩ Bob Smith (đảng Cộng Hòa - New

Hampshire), và các dân biểu Bob Dornan (Cộng Hòa - Orange County, CA), và Bill McCollum (Cộng Hòa - Orlando, FL). Các nhân vật này đã đóng một vai trò quan trọng trong việc chống lại những chiều hướng nhượng bộ với Hà Nội. Họ cũng là những người có thế lực mạnh với Tòa Bạch Ốc. Ngoài ra, ông TNS Smith lại có mối nối trực tiếp với một người bạn đồng hương khác ở Tòa Bạch Ốc là ông Bộ trưởng Phủ Tổng Thống John Sununu. Ông dân biểu Dornan là người Tổng thống Bush nhớ ơn vì ông ta là người đầu tiên đáng kể thuộc nhóm Bảo Thủ đứng ra ủng hộ Tổng thống Bush trong kỳ bầu cử năm 1988. Ông McCollum là một trong năm nhà lãnh đạo cao cấp nhất của đảng Cộng Hòa ở Hạ Viện và có liên hệ thân cận với Tổng thống Bush. Ông McCollum cũng là chủ tịch của ủy ban đặc biệt ở Hạ Viện chuyên điều tra và nghiên cứu về chiến tranh tâm lý và bất quy ước (psychological and unconventional warfare), và về các tổ chức khủng bố quốc tế. Văn phòng của ông McCollum trong tháng năm vừa qua đã công bố lịch trình huấn luyện và dung túng của chính quyền Hà Nội cho các tổ chức khủng bố quốc tế như nhóm P.L.O. ở Trung Đông, và chính phủ Cộng sản ở Nicaragua trong những năm trước.

Trên bình diện chính trị nội bộ Hoa Kỳ, hai vấn đề Cam Bốt và POW/MIA cũng được lưu ý nhờ vào áp lực của quân chúng và báo chí Mỹ. Thí dụ đài truyền hình ABC với ông Peter Jennings năm ngoái đã

có nguyên một tường trình về vấn đề Cam Bốt mà sau đó đã gây nên một hậu thuẫn đáng kể cho nhóm vận động hòa bình cho Cam Bốt. Các nhà cầm quyền Mỹ lại càng áy náy hơn về việc POW/MIA vì sợ bị mang tiếng là thờ ơ, bỏ rơi các binh sĩ mất tích. Nhờ vào những hậu thuẫn đáng kể này mà hai vấn đề trên đã được sự chú ý đặc biệt của giới lãnh đạo Hoa Kỳ và từ đó trở thành những chánh sách ưu tiên. Đây là một thực tế chính trị trong nước đã làm cho nhiều quan sát viên đứng từ ngoài thấy rất khó hiểu. Khó hiểu là tại sao Hoa Kỳ lại đặt ưu tiên quá cao cho mấy xác chết, cũng như cho vấn đề Cam Bốt mà theo họ phải nên được tách rời (decoupled) với sự liên hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam. Hà Nội cũng như những quan sát viên này lâu nay đã làm đánh giá thấp những ưu tiên của Hoa Kỳ và đánh giá quá cao giá trị của Việt Nam trong bản đồ chiến lược quốc tế của Mỹ. Từ những nhận định sai lầm này (misperceptions) nhiều người, kể cả Hà Nội, đã kết tội Hoa Kỳ là không thành thực với Việt Nam mà chắc là có ý làm khó dễ vì còn "hận" thua cuộc chiến ở Việt Nam. Hoặc đi xa hơn nữa, họ cho đây là một kế hoạch trả thù Hà Nội một cách có hệ thống của nhóm ông Kissinger, qua các "đàn em" cũ của ông ta như ông Scowcroft và ông Lawrence Eagleburger (phụ tá ngoại trưởng Hoa Kỳ).

Những điều kiện chính trị và chiến lược kể trên đã nắm phần chính trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ với Việt

Nam. Tuy nhiên chiều hướng định đoạt chính sách này cũng đã chịu nhiều ảnh hưởng khác có tính cách chính trị nội bộ và tư lợi. Những ảnh hưởng này, có cái cùng chiều hướng với đường lối của chính phủ, có cái lại cho rằng chính sách của chính phủ là lỗi thời.

Các nhóm thương mại chủ trương rằng quyền lợi kinh tế là chính yếu. Hơn nữa chiến tranh Việt Nam đã kết thúc hơn 16 năm rồi. Tình trạng bang giao hiện nay giữa hai nước theo họ là một tình trạng bất bình thường và không có lợi cho Hoa Kỳ. Các nhóm tự nguyện làm việc xã hội nhân đạo thì cho chánh sách Hoa Kỳ là bất nhân và chỉ có làm khổ thêm dân Việt Nam mà thôi chứ không giúp gì được cả. Các nhóm hoạt động xã hội và nhân đạo này đã không có ảnh hưởng gì cụ thể trên chính sách chung của Hoa Kỳ ngoài việc họ đang được cả hai chính phủ dùng làm những phương tiện để chuẩn bị cho chương trình tái lập bang giao khi cần.

Nhóm thương gia là nhóm có nhiều phương tiện hơn hết và rất có tổ chức trong việc vận động bỏ cấm vận. Các nhóm này có tiền của, nhân lực và kinh nghiệm vận động chánh trị cho nên đã thành công trong việc tạo được một tiếng vang về sự đòi hỏi của họ. Ngân hàng lớn nhất của Mỹ, Citibank, là nhóm chủ chốt trong việc vận động Hoa Thịnh Đốn bãi bỏ lệnh cấm vận. Citibank đã thuê ông Leonard Woodcock (cựu Đại sứ Hoa Kỳ ở Bắc Kinh và là người đại diện Tổng thống

Carter qua Hà Nội thương thuyết về việc POW/MIA và những triển vọng bang giao năm 1977), và một công ty giao tế (public relations) có tiếng ở Washington, D.C. là nhóm Cassidy and Associates để giúp họ vận động. Tuy nhiên những biện luận và bằng chứng của họ nêu lên không có giá trị cho nên họ chưa tạo được uy tín lớn lao trong giới chính quyền. Thí dụ họ hô hào rằng:

1. Những công ty ngoại quốc khác trong năm 1990 đã đầu tư gần một tỷ rưỡi đô la vào Việt Nam — Đây là một con số rất quá đáng do cơ quan hợp tác và đầu tư của Hà Nội loan ra và các ông thương gia này cùng báo chí quốc tế sử dụng mà không kiểm chứng vì đây là con số các thương gia ngoại quốc đến Việt Nam tỏ ý **dự tính** đầu tư chứ không phải là con số **đã ký kết nhất định** đầu tư hoặc số tiền **đã** đầu tư (planned investments thay vì committed hay là funded). Thêm vào đó con số này còn kể cả những chi phí ăn ở di chuyển (incidental expenses) của người ngoại quốc đến Việt Nam. Số tiền ngoại quốc đầu tư thật sự trong năm qua chỉ khoảng một phần mười của con số mà Hanoi đã phổ biến. Ông Shepard Lowman (một nhà ngoại giao kinh nghiệm về Việt Nam và là cựu Giám đốc văn phòng Đông Dương ở Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ) trong buổi điều trần tháng bảy trước ủy ban Á Châu sự vụ của Hạ Viện Hoa Kỳ do ông dân biểu Solarz chủ tọa đã trình bày vấn đề này và bác bỏ luận điệu của nhóm thương

mãi về việc các nước ngoại quốc khác đang hồ hởi đầu tư ở Việt Nam.

2. Việt Nam đang có nhiều cơ hội đầu tư tốt mà thương gia Mỹ phải vô gập kéo mất thị trường — Các nhân vật chính quyền biết nhiều về Việt Nam đã không dễ tin điều này. Họ thừa biết là thị trường Việt Nam chưa phải là nơi mà Mỹ có thể làm ăn được theo lối của họ vì những điều kiện kinh tế, luật pháp, đầu tư, hạ tầng cơ sở tiên quyết chưa có. Hơn nữa so sánh với các thị trường ở Phi Luật Tân, Mã Lai, Indonesia là những nơi có nhiều điều kiện thuận lợi hơn mà Mỹ còn chưa khai thác hết thì thị trường Việt Nam tương đối không có gì đặc biệt quyến rũ. Thật ra những hình ảnh quyến rũ về các cơ hội đầu tư ở Việt Nam chỉ là sản phẩm tưởng tượng của những thúc đẩy chính trị (để áp lực chính phủ sớm bỏ cấm vận) hoặc của những người muốn tạo nên một cơn sốt về thị trường Việt Nam để họ có cơ hội vụ lợi. Điển hình là những nhóm tổ chức các buổi thuyết trình, thảo luận đặc tiền như lần ở Hongkong năm ngoái và một lần khác ở New York tháng tám vừa qua. Hiện tượng này cũng tương tự như hiện tượng Trung Hoa lục địa được thổi phồng trong những năm thập niên 70.

3. Cần vô gập để móc nối tổ chức cơ sở — Lập luận này cũng không thuyết phục được nhiều người hiểu chuyện vì tình hình đang tranh sáng tranh tối ở trong nội bộ chính quyền Hà Nội nói riêng và tương lai của đảng Cộng sản

Việt Nam nói chung.

Một số lý luận của các nhóm thương mại tuy vậy cũng có sự ủng hộ âm thầm của một số nhân vật chính quyền khác có liên quan đến Việt Nam. Các vị này phần đông là các viên chức chuyên môn. Đối với nhóm chuyên môn này thì chính sách cấm vận và không bang giao của Hoa Kỳ là một điều bất thường và đã đi ngược lại các nguyên tắc căn bản thuần túy của ngành ngoại giao. Theo họ thì thứ nhất, liên hệ ngoại giao là vấn đề cần thiết giữa bất cứ hai quốc gia nào, không kể thể chế chính trị, vì càng có bất đồng ý kiến càng nên có liên hệ ngoại giao; thứ đến, trong chế độ kinh tế tư bản tự do như của Hoa Kỳ thì người dân phải được quyền tự do đầu tư bất cứ ở đâu họ muốn, nên hay không nên là tùy các mậu dịch kinh tế (market forces), chứ không phải để nhà cầm quyền của họ quyết định; và thứ ba, có liên lạc kinh tế thì mới có dịp ảnh hưởng thay đổi đường lối của nhà cầm quyền cộng sản với hy vọng là họ sẽ trở nên cởi mở hơn vì nhu cầu kinh tế. Những người có lập trường trên trong giới chính phủ đang âm thầm hoạt động trong lãnh vực của họ nhưng chưa có tiếng nói chính thức. Vì là công chức, họ không muốn đi ngược lại chính sách của những người lãnh đạo chính trị sợ rằng việc đó sẽ ảnh hưởng không tốt cho sự nghiệp tương lai của họ.

Tổng thống Bush tuần qua (14-9-91) đã gia hạn cấm vận như đã được tiên đoán. Quyết định này theo sát lịch trình

bang giao ("road map") mà Hoa Kỳ đã công bố và cũng để cho Hà Nội thấy một dấu hiệu là chính sách của Mỹ rất rõ ràng như đã được đề ra và Hoa Kỳ nhất tâm theo đuổi chính sách này. Như vậy có nghĩa là tương lai của việc bỏ cấm vận và bang giao với Việt Nam đòi hỏi Việt Nam phải thực tâm đóng góp trong việc đem lại một giải pháp chính trị ở Cam Bốt, và giải quyết thỏa đáng vấn đề tù binh mất tích của Hoa Kỳ. Về mặt nội bộ chính trị của Hoa Kỳ, hai vấn đề này đòi hỏi sự thỏa thuận và hợp tác của hai thành phần ảnh hưởng trong nước là nhóm quan tâm về việc Cam Bốt, và nhóm Gia Đình của những người mất tích. Về phương diện đối ngoại khác, Hoa Kỳ phải để ý đến thái độ của Trung Cộng và chiều hướng Trung Cộng và Việt Nam đang tiến gần lại nhau. Thái độ dè dặt và nguyên tắc của Hoa Kỳ đang đi song song với thái độ cởi mở có giới hạn, chừng mực của Trung Cộng với Việt Nam mặc dù cả hai đang được Hà Nội tích cực vượt ve.

Tuy nhiên, những tiến triển mới đây ở Cam Bốt và thái độ hợp tác tích cực mới của Hà Nội về việc POW/MIA có thể sẽ làm cho Hoa Kỳ xúc tiến liên hệ với Việt Nam nhanh hơn thời gian dự tính trong chương trình ("road map") mà họ đã đặt ra. Phụ tá thứ trưởng ngoại giao Kenneth Quinn và nhóm gia đình tù nhân đã có thái độ phấn khởi sau các buổi gặp mặt mới đây với chính quyền Hà Nội cũng như những điều kiện hợp tác mà Hà Nội đã hứa với thượng

ngệ sĩ John Kerry. Văn phòng POW/MIA của Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ ở Hanoi cũng đã rất hài lòng về sự hợp tác của Hà Nội. Chính phủ Hoa Kỳ đã đáp lại những bước tiến này bằng cách lắng lẽ nới rộng những liên hệ khác với Hà Nội. Bộ ngoại giao mới cho phép viện nghiên cứu Đông Á của đại học Berkeley trao đổi vài chương trình văn hóa và giáo dục với Việt Nam. Nhiều chương trình trao đổi văn hóa, văn nghệ, giáo dục, thể thao ... khác có lẽ sẽ được cho phép thêm trong những ngày sắp tới. Đội bóng tròn thiếu niên Việt Nam đã được phép đến Hoa Kỳ đấu giao hữu với các đội Hoa Kỳ ở Virginia và Connecticut. Đoàn cầu này được dàn xếp cho vào khuôn viên của tòa Bạch Ốc dự lễ Tổng thống Bush đón tiếp ông hoàng Monaco. Tuy là phái đoàn này không có tư cách chính thức gì hết trong buổi lễ và Tổng thống Bush có lẽ cũng không biết đến sự hiện diện của phái đoàn này trong đám mấy trăm người khác trên khuôn cỏ rộng lớn của tòa Bạch Ốc, nhưng cái mẹo nhỏ này của bộ ngoại giao Hoa Kỳ — cho Hanoi cái tiếng “qua Mỹ được tiếp đón ở tòa Bạch Ốc” — là để cho Hanoi thấy Hoa Kỳ có ghi nhận những tiến bộ mới trong liên hệ chung và cũng để khuyến khích Hà Nội kiên nhẫn mặc dù lệnh cấm vận được gia hạn.

Mặc khác, Hà Nội và Bắc Kinh đang đi lại gần nhau vì cả hai đang có nhu cầu tương tự. Hà Nội ý thức Bắc Kinh đang nắm một chìa khóa chính yếu trong việc cải thiện liên

hệ với Hoa Thịnh Đốn và các nước khác trong thế giới tự do, cũng như cơ hội vay mượn ở các quỹ phát triển quốc tế. Hà Nội cũng cần dựa vào Bắc Kinh trên phương diện ý thức hệ sau những biến chuyển ở Đông Âu và Nga Sô. Trên phương diện này Bắc Kinh muốn duy trì thể chế chính trị hiện tại ở Việt Nam và đồng ý với Việt Nam duy trì một thể chế ý thức hệ “thích hợp” cho cả vùng Đông Dương. Đây là cái “giải pháp Đổ” mà các nước ASEAN đang e ngại là Việt Nam và Trung Cộng đang mưu đồ trong việc hợp tác. Cho nên nếu sự tiến triển ở Cam Bốt cho Trung Cộng thấy là Hà Nội không còn ảnh hưởng trực tiếp với chính quyền ở Phnom Penh nữa, và Hà Nội đã ở vào một cái thế chẳng đặng đừng phải hợp tác với Bắc Kinh để bảo vệ quyền lợi chung thì Bắc Kinh mới sẵn sàng đi thêm một bước nữa với Việt Nam, thỏa thuận ngầm với Hoa Kỳ tiến tới việc bãi bỏ cấm vận và bang giao với Việt Nam.

Ngoài ra, nên hiểu rằng luật cấm vận cũng cho phép Tổng thống bãi bỏ lệnh này khi nào thấy cần thiết miễn là thích hợp với các điều kiện an ninh quốc gia. Do đó theo đà tiến triển của mấy tháng vừa qua trong những vấn đề chính yếu của liên hệ Việt Mỹ thì có thể trong một thời gian gần đây, luật cấm vận với Việt Nam sẽ được bãi bỏ và bộ ngoại giao Hoa Kỳ sẽ thành lập một văn phòng liên lạc ngoại giao (interest section) mở đầu cho sự bang giao toàn diện với Vietnam. Trong một khung cảnh chính trị như vậy, tương lai Việt Nam sẽ đi về đâu? Việt Nam sẽ trở thành một Trung Cộng thứ hai? Hay là sẽ lợi dụng cơ hội cuối cùng để vươn lên trong tự do dân chủ? •

28-10-1991

TRẦN SĨ CHƯƠNG

Nguyên Cố vấn
Ủy ban Ngân hàng
Hạ Viện Hoa Kỳ

Tin Đoàn Tụ

• AH Ứng Sơ, nguyên Chánh Sở Vệ Sinh Đô Thành mới được thả tự do tháng 10-1991 vừa qua và đã trở về đoàn tụ với gia đình. Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc với AH Bửu Hiệp.

• AH Trần Chấn Giang đã đón hiền thê và 4 cháu đoàn tụ gia đình vào tháng 12-1991.

• AH Nguyễn Tư Tùng, nguyên Trưởng Ty Công Tác NCCHK và Cấp Thủy Đà Lạt đã qua đoàn tụ với gia đình tại Fremont, California. Tel: (510) 797-9163.